

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2019
V/v ly hôn giữa anh R và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Thành R, sinh năm 1983

HKTT: Đường N, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh R, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Thành R trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012. Chung sống đến đầu năm 2019 thì liên tục bất hòa, nguyên nhân là do cách sống và suy nghĩ khác nhau, không cùng quan điểm, tư tưởng. Từ năm 2016 chị T thường xuyên vắng nhà, chị đi về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2019. Anh thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: có 01 con chung tên Lâm Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2012. Con đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 09/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: chị thống nhất với thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như anh R trình bày. Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể hòa hợp mà nguyên nhân chủ yếu là về vấn đề tiền bạc. Chị đồng ý ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 01 con chung tên Lâm Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2012. Do con có nguyện vọng sống với anh Rong nên chị đồng ý giao con cho anh nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Thành R; Về con chung giao cháu Lâm Ngọc Quỳnh N cho anh R trông nom, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Thành R vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lâm Thành R và chị Võ Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh R Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012 nên hôn nhân giữa anh R và chị T là hợp pháp.

Anh R cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do không cùng quan điểm sống, không hiểu nhau, không cùng tiếng nói chung trong các vấn đề

của gia đình từ đó tình cảm cũng dần phai nhạt. Chị T thừa nhận vợ chồng khó hòa hợp do mâu thuẫn về tiền bạc tạo nên khoảng cách giữa anh chị. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh R.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lâm Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2012. Cháu đang sống với anh R và cũng có nguyện vọng sống với cha. Anh R yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nên xét thấy cần giao cháu N cho anh R trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh R, chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định không có nợ chung.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Thành R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh Lâm Thành R đối với chị Võ Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Lâm Thành R và chị Võ Thị Ngọc T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Lâm Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 21/8/2012 cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh R, chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định không có nợ chung.

2. Về án phí: Anh Lâm Thành R phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006008 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Châu Thành;
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

